TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 187/2020/QĐCNSTT-VHN

N, ngày 20 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 – 12 – 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 375/2020/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân:

1. Bà **Tôn Thị T,** sinh năm 1987.

Địa chỉ: 12/A4 khu dân cư B, khu vực S phường A, quận N, thành phố C.

2. Ông **Võ Thanh P**, sinh năm 19985

Địa chỉ: 12/A4 khu dân cư B, khu vực S phường A, quận N, thành phố C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn nên hòa giải đoàn tụ không thành.

[2] Về con chung: Không có con chung.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông P thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và

không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành; không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà **Tôn Thị T** và ông **Võ Thanh P** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà T và ông P không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông P thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Mỗi người phải chịu 150.000 đồng, bà T tự nguyện nộp thay cho ông P 150.000 đồng. Bà T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số 002655 ngày 09 tháng 6 năm 2020 được chuyển thành lệ phí hôn nhân.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân QNK;
- Nơi thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐỖ THỊ DIỄM TRANG